

Bản án số: **134/2020/DS-PT**
Ngày: 20-8-2020
V/v “Tranh chấp đòi tài sản, hợp
đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Linh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nga

Ông Lê Quang Ninh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 142/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 7 năm 2020 về việc “*Tranh chấp kiện đòi tài sản, hợp đồng vay tài sản*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2020/DS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2020/QĐXXPT-DS ngày 03 tháng 8 năm 2020, giữa:

+ *Nguyên đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị Hồng P; sinh năm 1960; “Có mặt”

2. Chị Phan Thị Thu T, sinh năm 1985; “Vắng mặt”

3. Chị Phan Thị Thúy V, sinh năm 1987; “Có mặt”

4. Anh Phan Công Ph, sinh năm 1994; “Vắng mặt”

Cùng trú tại: Quốc lộ 14, đội 10, thôn 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

5. Chị Phan Thị Diễm T2, sinh năm 1983; HKTT: Thôn 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước; Trú tại: Ấp T, xã H, huyện X, tỉnh Đồng Nai. “Vắng mặt”

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà P, chị T, chị V và chị T2: Anh Bùi Phúc Q, sinh năm 1983; Trú tại: Số nhà 05, ấp 1, xã L, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 06/9/2017 giữa bà P và anh Q, được Văn phòng công chứng V công chứng số 2991, quyển số 01; Hợp đồng ủy quyền ngày 23/01/2019 giữa chị T, chị V và anh Q, được Văn phòng công

chứng D công chứng số 340, quyển số 01; Giấy ủy quyền ngày 29/7/2019 giữa chị T2 và anh Q, được Văn phòng công chứng V công chứng số 6570, quyển số 07). “Có mặt”

+ *Bị đơn*: Bà Hoàng Thị Lệ H sinh năm 1962; Trú tại: Thôn 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. “Có mặt”

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà H: Chị Ninh Thị Nguyên H2, sinh năm 1987; Trú tại: Khu Đ, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bình Phước. (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 28/9/2019, được Văn phòng công chứng H công chứng số 673, quyển số 01) (Có văn bản từ chối nhận ủy quyền ngày 10/8/2020).

Người kháng cáo: Bị đơn bà Hoàng Thị Lệ H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 11 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng P, các chị Phan Thị Diễm T2, Phan Thị Thu T, Phan Thị Thúy V là anh Bùi Phúc Q và anh Phan Công Ph thống nhất trình bày:

Vào ngày 13/7/2008 (âm lịch), bà Nguyễn Thị Hồng P có vay của bà Hoàng Thị Lệ H số tiền 100.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 02 tháng, tức đến ngày 13/9/2008 bà P phải trả bà H số tiền vay và tiền lãi theo thỏa thuận. Khi vay tiền, bà P có viết giấy vay tiền và ký tên bà P và ông Phan Công Th trong giấy vay tiền. Đồng thời, bà P giao cho bà H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) số AB 428750 với diện tích đất là 8965m² tại thôn 9, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước) để làm tin. Đến hạn trả nợ, do bà P làm ăn thua lỗ nên chưa có tiền trả cho bà H.

Vào năm 2009, bà H kiện bà P ra Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện B. Tại biên bản hòa giải ngày 08/7/2009, bà P và bà H thỏa thuận đến ngày 08/10/2009 bà P có nghĩa vụ trả bà H số tiền 100.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận. Bà P không thỏa thuận gì về việc giao diện tích đất trên cho bà H.

Do bà P không có tiền trả cho bà H nên từ tháng 10 năm 2009 bà H đã tự ý vào quản lý, sử dụng, thu hoạch hoa lợi từ cây điều trên diện tích đất 8965m² nêu trên. Bà H đã bán điều bông cho nhiều người, vụ mùa điều năm 2012 bà H bán điều bông cho bà Nguyễn Thị Nh, bà Nh đã khởi kiện bà H ra Tòa án nhân dân (TAND) huyện B. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2012/DS-ST ngày 25/9/2012 của TAND huyện B và Bản án dân sự phúc thẩm số 05/2013/DS-PT ngày 21/01/2013 của TAND tỉnh Bình Phước xác định việc bán điều bông của bà H là trái pháp luật nên vô hiệu, buộc bà H trả lại tiền bán điều bông cho bà Nh; bà H có quyền kiện bà P tiền nợ bằng vụ án dân sự khác.

Sau đó, gia đình bà P vào canh tác, sử dụng đất thì bị bà H ngăn cản, đe dọa, bà H tiếp tục thu hoạch hoa lợi trên đất và tiếp tục bán điều bông cho người khác. Cụ thể, vụ mùa năm 2017-2018 bà H bán điều bông cho bà Nguyễn Thị T3 cùng địa phương. Bà P đã gửi đơn đến Công an tỉnh Bình Phước, đơn của bà

được chuyển đến Công an huyện B. Ngày 11/10/2017, Công an huyện B ban hành Thông báo số 800/TB-CSĐT trả lời đơn tố giác của bà P như sau: Việc vay mượn tiền và cầm giấy chứng nhận QSDĐ nêu trên là giao dịch dân sự, không có dấu hiệu tội Cường đoạt tài sản.

Tại đơn khởi kiện ngày 17/11/2018, các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: 1/Tuyên bố hợp đồng cầm giấy chứng nhận QSDĐ ngày 13/7/2008 giữa bà P và bà H vô hiệu; buộc bà H trả lại QSDĐ diện tích 8965m² cho gia đình bà P, bà P có nghĩa vụ trả bà H số tiền vay là 100.000.000 đồng; yêu cầu bà Nguyễn Thị T3 chấm dứt việc thu lượm nông sản trên diện tích đất nêu trên do bà H bán điều bông.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về “Yêu cầu bà Nguyễn Thị T3 chấm dứt việc thu lượm nông sản trên diện tích đất 8965m² do bà H bán điều bông cho bà T3”. Đồng thời, các nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện từ yêu cầu “Tuyên bố hợp đồng cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/7/2008 là vô hiệu” thành yêu cầu: Buộc bị đơn bà Hoàng Thị Lệ H trả lại cho các nguyên đơn diện tích 8965m² và giấy chứng nhận QSDĐ số AB 428750 do UBND huyện B cấp ngày 07/7/2005 cho hộ bà Nguyễn Thị Hồng P, ông Phan Công Th đứng tên đối với diện tích đất 8965m² thuộc thửa số 06, tờ bản đồ số 29 tại thôn 9, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước).

Các nguyên đơn đồng ý với yêu cầu của bà H về yêu cầu đòi tiền nợ gốc 100.000.000 đồng, nhưng không đồng ý trả tiền lãi 3%/tháng kể từ ngày vay với tổng số tiền là 532.000.000 đồng. Nguyên đơn chỉ đồng ý trả tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi cho bà H tính theo quy định pháp luật.

Các nguyên đơn bà P, anh Ph, chị V và người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn còn trình bày: Ông Phan Công Th là chồng bà P, ông Th đã chết vào ngày 26/8/2013. Bà P và ông Th có 04 người con chung gồm: Phan Thị Diễm T2, Phan Thị Thu T, Phan Thị Thúy V, Phan Công Ph; cha mẹ của ông Th là: cụ Phan Công N (đã chết) và cụ Nguyễn Thị K (đã chết). Ông Th không có con riêng và con nuôi, không có cha mẹ nuôi. Đối với việc bà H thu hoạch hạt điều hoa lợi trên diện tích đất 8965m² từ năm 2010 đến nay thì hiện nay các nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, nếu có yêu cầu sẽ khởi kiện trong vụ án khác. Ngoài ra, đối với việc chia tài sản của bà P, ông Th và yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Th thì các nguyên đơn thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nếu có yêu cầu thì các nguyên đơn sẽ khởi kiện trong vụ án khác theo quy định pháp luật.

Tại biên bản lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Hoàng Thị Lệ H và người đại diện hợp pháp của bà H là chị Ninh Thị Nguyên H2 thống nhất trình bày:

Ngày 13/7/2008, bà Hoàng Thị Lệ H có cho bà Nguyễn Thị Hồng P vay số tiền 100.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 02 tháng. Khi vay, bà P có giao cho bà H cầm 01 giấy chứng nhận QSDĐ diện tích đất 8965m² tại thôn 9, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là thôn T, xã B,

huyện B, tỉnh Bình Phước) để làm tin. Khi vay, bà P có viết giấy vay tiền vào ngày 13/7/2008, nhưng đến hạn trả tiền thì bà P không trả cho bà H số tiền nào.

Vào năm 2009, bà H làm đơn kiện bà P ra UBND xã T, huyện B. Tại phiên hòa giải của xã ngày 08/7/2009, bà H đồng ý gia hạn thêm thời hạn trả tiền cho bà P đến ngày 08/10/2009 sẽ trả, nếu bà P trả tiền cho bà H thì bà H chỉ lấy tiền gốc, còn tiền lãi bà cho bà P. Tại buổi hòa giải, bà P cũng cam kết từ ngày 08/10/2009, nếu bà P không trả được nợ thì bà P chấp nhận giao toàn bộ diện tích đất 8965m² cho bà H. Đến ngày 08/10/2009, bà P cũng không trả số tiền nào cho bà H.

Diện tích đất này bà H bắt đầu quản lý, sử dụng từ năm 2010 cho đến nay, khi đó trên đất đã trồng cây điều. Khi quản lý, sử dụng đất thì bà H chỉ chăm sóc cây trồng trên đất chứ không cải tạo gì mới trên đất. Hiện trạng tài sản trên đất vẫn giữ nguyên cho đến nay.

Vào năm 2011, bà H bán điều bông cho bà Nguyễn Thị Nh trên diện tích đất 8965m², sau đó bà Nh khởi kiện bà H ra Tòa án, bà H đã hủy hợp đồng mua bán điều bông trên diện tích đất này. Vụ việc này đã được TAND tỉnh Bình Phước giải quyết tại Bản án dân sự phúc thẩm số 05/2013/DS-PT ngày 21/01/2013. Ngoài ra, bà P cho rằng bà H bán điều bông trên diện tích đất này 02 năm là năm 2017 và năm 2018 cho bà Nguyễn Thị T3 tại thôn 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước là không đúng, bà H không bán điều bông cho bà T3 như bà P trình bày. Hiện nay, diện tích đất điều này vẫn do bà H đang quản lý, thu hoạch, chăm sóc, bà H không bán điều bông cho ai.

Giữa bà H với bà P không lập hợp đồng cầm cố, thế chấp giấy chứng nhận QSDĐ. Việc giao giấy chứng nhận QSDĐ để làm tin được thể hiện trong giấy vay tiền ngày 13/7/2008 do bà P viết và ký tên bà P. Trong giấy vay tiền này, bà P còn tự ký tên Phan Công Th (là chồng bà P). Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H lại xác định ông Th không đi đến nhà bà H vay tiền cùng bà P, mà bà P ký tên trong giấy vay tiền trước, sau đó bà P đem giấy vay tiền về nhà cho ông Th ký tên, ông Th không ký tên trước mặt bà H.

Nay bà P và các con của bà P khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng cầm cố giấy chứng nhận QSDĐ giữa bà P với bà H vô hiệu và yêu cầu bà H trả lại diện tích đất 8965m² cho gia đình bà P thì bà H cũng đồng ý. Đồng thời, bà H có yêu cầu phản tố buộc bà P và các con của bà P phải liên đới trả cho bà H số tiền 896.500.000 đồng, tương ứng với giá trị đất tranh chấp.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà H và người đại diện hợp pháp cho bà H là chị H2 thay đổi yêu cầu phản tố trong đơn phản tố ngày 10/9/2019, bà không yêu cầu Tòa án buộc bà P và các con của bà P phải trả cho bà H số tiền 896.500.000 đồng, mà yêu cầu bà P cùng với các anh chị: T2, T, V, Ph phải trả bà H số tiền gốc vay ngày 13/7/2008 là 100.000.000 đồng và tiền lãi 3%/tháng kể từ ngày vay cho đến nay là 432.000.000 đồng. Tổng cộng là 532.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2020/DS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng P, chị Phan Thị Diễm T2, chị Phan Thị Thu T, chị Phan Thị Thúy V, anh Phan Công Ph. Buộc bị đơn bà Hoàng Thị Lệ H phải trả lại cho các nguyên đơn bà P và các anh chị T2, T, V, Ph diện tích đất 8965m² thuộc thửa số 06, tờ bản đồ số 29 tại thôn 9, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước) có giấy chứng nhận QSDĐ do UBND huyện B cấp ngày 07/7/2005 cho hộ bà Nguyễn Thị Hồng P và ông Phan Công Th đứng tên (Vị trí, tọa độ thửa đất được ghi nhận trong bản đồ địa chính ngày 23/5/2019).

Buộc bị đơn bà Hoàng Thị Lệ H phải trả lại cho các nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng P, chị Phan Thị Diễm T2, chị Phan Thị Thu T, chị Phan Thị Thúy V, anh Phan Công Ph giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 428750 diện tích đất 8965m² thuộc thửa số 06, tờ bản đồ số 29 tại thôn 9, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước do UBND huyện B cấp ngày 07/7/2005 do hộ bà Nguyễn Thị Hồng P và ông Phan Công Th đứng tên.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng P, chị Phan Thị Diễm T2, chị Phan Thị Thu T, chị Phan Thị Thúy V, anh Phan Công Ph về yêu cầu bà Nguyễn Thị T3 chấm dứt việc thu lượm nông sản trên diện tích đất trên do bà H bán điều bông trên phần đất thuộc quyền sở hữu của gia đình bà P. Đương sự có quyền khởi kiện lại yêu cầu đã rút theo quy định pháp luật.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Hoàng Thị Lệ H. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng P phải có nghĩa vụ trả cho bà Hoàng Thị Lệ H số tiền gốc và lãi là 130.231.250 đồng; Buộc bà Nguyễn Thị Hồng P và chị Phan Thị Diễm T2, chị Phan Thị Thúy V, chị Phan Thị Thu T, anh Phan Công Ph có nghĩa vụ liên đới trả bà Hoàng Thị Lệ H số tiền gốc và lãi là 130.231.250 đồng trong phạm vi di sản của ông Phan Công Th để lại.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Hoàng Thị Lệ H về việc yêu cầu các nguyên đơn bà P và các anh chị T2, T, V, Ph phải liên đới trả bà H số tiền: $532.000.000đ - 260.462.500đ = 271.537.500$ đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/6/2020, bị đơn bà Hoàng Thị Lệ H kháng cáo Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, buộc bà P và các con của bà P có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 820.000.000 đồng (gồm 100.000.000 đồng tiền vay gốc và 720.000.000 đồng tiền lãi). Ngoài ra, bà H không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về hướng giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục và tuân thủ theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà H làm trong thời hạn luật định, thực hiện đúng quyền và có hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại các điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại Bản án sơ thẩm đã quyết định buộc bị đơn bà Hoàng Thị Lệ H có nghĩa vụ trả lại cho các nguyên đơn diện tích đất 8965m² thuộc thửa số 06, tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại thôn 9, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước) và giấy chứng nhận QSDĐ số AB 428750 do UBND huyện B cấp ngày 07/7/2005 cho hộ bà Nguyễn Thị Hồng P và ông Phan Công Th đứng tên. Sau khi xét xử sơ thẩm, nội dung này không bị kháng cáo, kháng nghị, nên đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà P và bị đơn bà H thừa nhận vào ngày 13/7/2008, bà P có vay của bà H số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, thời hạn vay là 02 tháng. Khi thỏa thuận vay tiền, bà P có thể chấp cho bà H 01 giấy chứng nhận QSDĐ số AB 428750 để làm tin và bà P có viết giấy vay tiền (Bút lục số 115). Đến hạn trả nợ, do bà P không trả tiền vay cho bà H, nên bà H đã kiện bà P ra UBND xã T, huyện B. Tại biên bản hòa giải ngày 08/7/2009, bà H và bà P thống nhất đến ngày 08/10/2009 bà P sẽ trả tiền cho bà H (Bút lục số 78). Tuy nhiên, đến thời hạn thỏa thuận trả tiền ngày 08/10/2009, bà P cũng chưa trả được tiền vay cho bà H. Căn cứ Điều 92 BLTTDS xác định đây là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà H và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu bà P và các con của bà P (là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Phan Công Th) có nghĩa vụ trả bà H số tiền vay nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi 3%/tháng kể từ ngày vay là 432.000.000 đồng, tổng là 532.000.000 đồng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ quyết định buộc bà P và các con của bà P (là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Phan Công Th) có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền vay gốc và tiền lãi phát sinh tổng cộng là 260.462.500 đồng.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị Lệ H:

Căn cứ giấy vay tiền ngày 13/7/2008 xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi. Đến hạn trả nợ, do bà P không trả tiền vay cho bà H, nên bà H đã kiện bà P ra UBND xã T, huyện B. Tại biên bản hòa giải ngày 08/7/2009 của UBND xã T, bà H và bà P thống nhất đến ngày 08/10/2009 bà P sẽ trả tiền cho bà H (Bút lục số 78). Đây được xem là sự thỏa thuận lại thời hạn trả nợ giữa các bên. Đến thời hạn thỏa thuận lại vào ngày 08/10/2009, bà P tiếp tục vi phạm

thỏa thuận. Vì vậy, thời hiệu khởi kiện của bà H đối với hợp đồng vay tài sản này là 02 năm, tính từ ngày 09/10/2009 đến ngày 09/10/2011.

Do bà P vi phạm thỏa thuận trả nợ, nên bà H chiếm hữu, quản lý, sử dụng diện tích đất 8965m² và giữ giấy chứng nhận QSDĐ số AB 428750 của hộ bà P, ông Th từ năm 2010 đến nay. Phía gia đình bà P biết sự việc này, nhưng chỉ nộp đơn tranh chấp với bà H ra UBND xã vào năm 2012 và năm 2017 nhưng không được UBND xã xem xét giải quyết. Trong suốt thời gian từ năm 2010 đến nay, do không có tiền trả nợ nên gia đình bà P vẫn đồng ý cho bà H tiếp tục quản lý thửa đất trên. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn bà P và các con tự nguyện chịu trả tiền vay gốc và tiền lãi cho bà H, đây được xem là sự thừa nhận của nguyên đơn đối với thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bị đơn bà H. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản; đồng thời, buộc nguyên đơn phải trả cho bị đơn bà H tiền vay nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn 1,125%/tháng, kể từ thời điểm vay cho đến nay là có căn cứ.

Bị đơn bà H kháng cáo yêu cầu bà P và các con của bà P phải trả cho bà số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 3%/tháng với số tiền 720.000.000 đồng, tổng cộng là 820.000.000 đồng. Xét yêu cầu về mức lãi suất do bà H nêu ra 3%/tháng là vượt quá mức lãi suất nợ quá hạn theo quy định. Hơn nữa, bà H yêu cầu tính lãi theo hình thức lũy tiến (tức lãi của tháng tiếp theo bằng lãi suất x (tiền vay gốc + tiền lãi của tháng trước)), nhưng bà H không thể tính toán được chính xác số tiền lãi mà mình yêu cầu. Đồng thời, bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, nên kháng cáo của bà H không được Hội đồng xét xử chấp nhận, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn bà H không được chấp nhận, nên bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị Lê H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2020/DS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 169, 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 28 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 105 Luật Đất đai năm 2003; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Hoàng Thị Lệ H. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng P có nghĩa vụ trả cho bà Hoàng Thị Lệ H số tiền gốc và lãi là 130.231.250 đồng (Một trăm ba mươi triệu hai trăm ba mươi một ngàn hai trăm năm mươi đồng); Buộc bà Nguyễn Thị Hồng P và các anh chị Phan Thị Diễm T2, Phan Thị Thúy V, Phan Thị Thu T, Phan Công Ph có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hoàng Thị Lệ H số tiền gốc và lãi là 130.231.250 đồng (Một trăm ba mươi triệu hai trăm ba mươi một ngàn hai trăm năm mươi đồng) trong phạm vi di sản của ông Phan Công Th khi chết để lại.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Hoàng Thị Lệ H về việc yêu cầu các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng P và các anh chị Phan Thị Diễm T2, Phan Thị Thúy V, Phan Thị Thu T, Phan Công Ph phải liên đới trả cho bà H số tiền lãi: 532.000.000đ - 260.462.500đ = 271.537.500 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hoàng Thị Lệ H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0010380, quyển số 0208 ngày 04/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước. Bà H không phải nộp thêm án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Vũ Hoàng Linh